SAO Y; Ủy ban Dân tộc; Thời gian ký: 21/12/2023 15:37:44 +07:00

SAO LỤC; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 23/12/2023 09:24:26

ỦY BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 978 /QĐ-UBDT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy)

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBDT ngày 21/8/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết thực hiện Nội dung 1, Tiểu dự án 2, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguồn kinh phí năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-UBDT ngày 09/10/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Nội

dung 1, Tiểu dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguồn kinh phí năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp ngày 21/11/2023 của Hội đồng thẩm định cấp Bộ chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Học viện Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy).

(Có chương trình kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Học viện Dân tộc, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các TT, PCN (để biết);
- Lưu: VT, TCCB, HVDT(10). 12/

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Nông Thị Hà

QĐ 978

DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH

(Danh sách bộ,ngành phát hành văn bản).

Stt	Các bộ, ngành	Ghi chú
I	**Các bộ**	
1	Bộ Quốc phòng	
2	Bộ Công an	
3	Bộ Ngoại giao	
4	Bộ Tư pháp	
5	Bộ Tài chính	
6	Bộ Công Thương	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
12	Bộ Nội vụ	
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
16	Bộ Y tế	
17	Bộ Giao thông vận tải	
II	**Cơ quan ngang bộ**	
1	Văn phòng Chính phủ	
2	Thanh tra Chính phủ	
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
III	**Cơ quan thuộc Chính phủ**	
1	Đài Truyền hình Việt Nam	
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	
3	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	
4	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	
IV	**Cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương**	
1	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	

Danh sách gồm: 25 bộ, ngành./.

DANH SÁCH UBND CÁC TỈNH, TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Danh sách tỉnh, thành phố phát hành văn bản).

Stt	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Ghi chú
1	An Giang	
2	Bạc Liêu	
3	Bắc Giang	
4	Bắc Kạn	
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	
6	Bình Định	
7	Bình Phước	
8	Bình Thuận	
9	Cao Bằng	
10	Cà Mau	
11	Cần Thơ	
12	Đắk Lắk	
13	Đắk Nông	
14	Điện Biên	
15	Đồng Nai	
16	Gia Lai	
17	Hà Giang	
18	Hà Tĩnh	
19	Hà Nội	
20	Hậu Giang	
21	Hòa Bình	
22	Hồ Chí Minh	
23	Khánh Hòa	
24	Kiên Giang	
25	Kon Tum	
26	Lai Châu	
27	Lào Cai	
28	Lạng Sơn	
29	Lâm Đồng	
30	Long An	
31	Nghệ An	
32	Ninh Bình	
33	Ninh Thuận	
34	Phú Thọ	
35	Phú Yên	
36	Quảng Bình	
37	Quảng Nam	
38	Quảng Ngãi	
39	Quảng Ninh	

40	Quảng Trị	
41	Sóc Trăng	
42	Sơn La	
43	Tây Ninh	
44	Thanh Hóa	
45	Thái Nguyên	
46	Thừa Thiên - Huế	
47	Trà Vinh	
48	Tuyên Quang	
49	Vĩnh Long	
50	Vĩnh Phúc	
51	Yên Bái	

Danh sách gồm: 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

ỦY BAN DÂN TỘC

CHƯƠNG TRÌNH

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ
(Các chuyên đề giảng dạy)

HÀ NỘI, 2023

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy)

(Ban hành theo Quyết định số 978 /QĐ-UBDT ngày 19 /12/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

I. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG

- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp huyện; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học nội trú, bán trú (và các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, huyện, tỉnh tương đương) ở địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số.

II. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

1. Mục tiêu chung

Cập nhật, nâng cao kiến thức về dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương theo dõi về công tác dân tộc hoặc công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, học viên:

- Nắm vững kiến thức về các dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc; củng cố, nâng cao, cập nhật kiến thức về tình hình dân tộc, kết quả và bài học kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về dân tộc và công tác dân tộc.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác dân tộc: tham mưu, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đề xuất chính sách, tổ chức thực hiện chính sách... tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của lãnh đạo cấp phòng.

- Xác định tư tưởng, thái độ đúng đắn: tôn trọng đồng bào các dân tộc, có ý thức quán triệt quan điểm của Đảng, thực hiện tốt chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

III. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế dưới dạng các chuyên đề, trên quan điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

Các chuyên đề trong chương trình vừa có tính liên kết, thống nhất chung trong hệ thống vừa có tính độc lập tương đối, có kết cấu mở nhằm tạo điều kiện dễ dàng điều chỉnh, cập nhật, bổ sung kiến thức của ngành, địa phương trong từng chuyên đề mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu chung của chương trình.

Học viên học đủ các kiến thức trong chương trình sẽ được cấp chứng chỉ theo quy định.

IV. CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức và thời gian bồi dưỡng

a) Chương trình gồm 2 hoạt động chính:

- Giảng dạy: 6 chuyên đề (9 chuyên đề tham khảo được phê duyệt riêng). Trong quá trình giảng dạy, giảng viên kết hợp trao đổi, thảo luận về các vấn đề mới đang đặt ra trong thực tiễn công tác dân tộc.

- Tìm hiểu thực tiễn công tác dân tộc: Nghe báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh/thành phố, lãnh đạo các sở, ban, ngành trong tỉnh/thành phố (hoặc lãnh đạo các bộ, ngành với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan trung ương) về thực tiễn đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng - an ninh trên địa

bàn tỉnh/thành phố hoặc cả nước. Tọa đàm, trao đổi về một số vấn đề cụ thể trong thực tiễn công tác dân tộc hiện nay.

Chương trình bố trí thời lượng 4 tiết để học viên viết bài thu hoạch cuối khóa, 2 tiết cho các hoạt động khai giảng, bế giảng.

b) Thời gian bồi dưỡng: 5 ngày (mỗi ngày 8 tiết).

Thời gian của toàn bộ chương trình là 40 tiết, trong đó:

- Thời gian học trên lớp: 24 tiết

+ Số tiết học lý thuyết: 12 tiết.

+ Số tiết trao đổi, thảo luận nhóm theo chuyên đề: 12 tiết.

- Nghe báo cáo, tìm hiểu thực tế địa phương kết hợp tọa đàm, trao đổi, thảo luận: 10 tiết.

- Số tiết viết thu hoạch: 4 tiết.

- Số tiết khai giảng, bế giảng: 2 tiết.

2. Cấu trúc chương trình

Phần I:

STT	Các chuyên đề giảng dạy	Số tiết		
		Tổng	***Lý thuyết***	***Thảo luận***
1	Cộng đồng các dân tộc thiểu số và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	4	2	2
2	Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc	4	2	2
3	Pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi	4	2	2
4	Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	4	2	2
5	Hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở Việt Nam hiện nay	4	2	2
6	Bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4	2	2
	Cộng	**24**	**12**	**12**

Phần II:

STT	Tìm hiểu thực tiễn công tác dân tộc	Số tiết
1	Nghe báo cáo thực tế về dân tộc, công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc; tham quan các mô hình phát triển kinh tế - xã hội; tọa đàm, trao đổi, thảo luận về những vấn đề dân tộc, công tác dân tộc của ngành và địa phương	10
2	Viết bài thu hoạch cuối khóa	4
3	Khai giảng, bế giảng	2
	Cộng	**16**

V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC BIÊN SOẠN, GIẢNG DẠY, HỌC TẬP CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Đối với việc biên soạn

a) Các chuyên đề được biên soạn theo đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Các chuyên đề được biên soạn dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học.

c) Nội dung chuyên đề phải phù hợp với chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương, bảo đảm cung cấp cho học viên những kiến thức mới, trau dồi những kiến thức đã có; nâng cao nhận thức về dân tộc, công tác dân tộc và chính sách dân tộc; củng cố kỹ năng lãnh đạo, quản lý; cập nhật tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trên thế giới, trong nước và vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

d) Các chuyên đề phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện thường xuyên bổ sung, cập nhật những kiến thức mới vào nội dung bài giảng, phù hợp với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng và tương đương.

2. Đối với giảng dạy

a) Giảng viên, báo cáo viên:

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp vụ, lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên của Học viện Dân tộc, giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của bộ, ngành, địa phương có kinh nghiệm, hiểu biết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, văn hóa dân tộc.

- Giảng viên, báo cáo viên đã được học lớp bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên do Ủy ban Dân tộc (Học viện Dân tộc) tổ chức và được cấp giấy chứng nhận.

- Giảng viên, báo cáo viên cần xây dựng tài liệu, tập hợp các bài tập, tình huống điển hình trong thực tiễn để bảo đảm giảng dạy có chất lượng chương trình này, sát với chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng và tương đương.

b) Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học viên làm trung tâm, đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy.

- Sử dụng hiệu quả phương pháp trao đổi, thảo luận dành cho mỗi chuyên đề, có đúc rút bài học kinh nghiệm.

3. Đối với việc học tập

a) Học viên hiểu rõ vị trí, chức trách, nhiệm vụ và những yêu cầu, mục tiêu của khóa học.

b) Tích cực tham gia vào các hoạt động: nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tiễn công tác dân tộc tại địa phương, đơn vị công tác.

c) Kết thúc khóa học, học viên tiếp thu các kiến thức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

VI. ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

1. Đánh giá ý thức học tập của học viên theo quy chế học tập của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đánh giá kết quả học tập bằng bài thu hoạch cuối khóa, được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chấm theo thang điểm 10.

B. NỘI DUNG CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Học viên nắm vững kiến thức về cộng đồng các dân tộc thiểu số (đặc điểm, vai trò của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc); Phân tích, đánh giá những nội dung cơ bản của các trục quan hệ dân tộc ở Việt Nam; các vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp giải quyết những nội dung về quan hệ dân tộc ở địa phương nơi học viên công tác/cư trú.

** Về kỹ năng*

Góp phần rèn luyện kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác dân tộc và trong quan hệ dân tộc ở Việt Nam.

** Về thái độ*

Tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc và quan hệ dân tộc; nhận diện, đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề quan hệ dân tộc ở Việt Nam.

II. NỘI DUNG

1. Khái niệm

a) Dân tộc

b) Dân tộc đa số

c) Dân tộc thiểu số

d) Dân tộc thiểu số rất ít người

e) Dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

g) Vùng dân tộc thiểu số

h) Quan hệ dân tộc

2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

a) Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có quy mô dân số không đồng đều, cư trú đan xen lẫn nhau

b) Các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở miền núi, trên địa bàn rộng lớn có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh

c) Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau

d) Từng dân tộc thiểu số ở Việt Nam có bản sắc văn hóa riêng

e) Các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết trong trong thích ứng với điều kiện tự nhiên và đấu tranh chống giặc ngoại xâm

3. Vai trò của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

a) Đóng góp của các dân tộc thiểu số trong đấu tranh giành độc lập dân tộc

b) Đóng góp của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay

4. Quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay

a) Nội dung của các trục quan hệ dân tộc

- Quan hệ giữa các dân tộc với quốc gia - dân tộc (nation)
- Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số
- Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số
- Quan hệ trong nội bộ các dân tộc thiểu số
- Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo
- Quan hệ xuyên biên giới của các dân tộc thiểu số

b) Những vấn đề đặt ra trong quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay

- Vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên
- Tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống, xuyên biên giới
- Vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc
- Vấn đề chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo...
- Các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề lịch sử nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Chuyên đề 2

QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Học viên nắm được những khái niệm liên quan đến vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; hiểu rõ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong tiến trình cách mạng; nhận thức được quá trình triển khai, kết quả thực hiện cùng với những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc.

** Về kỹ năng*

Vận dụng những hiểu biết về quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc vào thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý; nâng cao hiệu quả thực thi công vụ về công tác dân tộc theo vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

** Về thái độ*

Học viên có ý thức và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu chuyên đề; Có nhận thức đúng đắn về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung

a) Các khái niệm liên quan

b) Cơ sở khoa học hình thành quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc

2. Quan điểm, chủ trương,đường lối của Đảng về công tác dân tộc qua các thời kỳ cách mạng

a) Thời kỳ trước Đổi mới (trước năm 1986)

b) Thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

3. Tình hình thực hiện quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc

a) Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

b) Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể của các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

c) Hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm qua thực hiện các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

d) Một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Chuyên đề 3

PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Nắm vững các văn bản và tình hình thực hiện pháp luật, chính sách hiện hành cũng như định hướng thực hiện nội dung văn bản quy phạm pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

** Về kỹ năng*

Vận dụng những kiến thức đã học vào việc tham mưu, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đề xuất giải pháp phù hợp trong việc triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

** Về thái độ*

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, động cơ và thái độ học tập nghiêm túc.

II. NỘI DUNG

1. Khái quát các quy định của pháp luật và chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Các chính sách được quy định trong Hiến pháp

b) Các chính sách được quy định trong các bộ luật, luật có liên quan

c) Các chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

2. Thực hiện chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Kết quả

b) Hạn chế

c) Nguyên nhân và vấn đề đặt ra

3. Một số giải pháp thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

a) Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hoá và xã hội hoá nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

c) Thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

d) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hoá, tập quán từng dân tộc

e) Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

f) Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

g) Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

h) Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

4. Một số kỹ năng tham mưu thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

a) Nghiên cứu chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện, đưa ra luận cứ, sáng kiến đề xuất đơn vị, tổ chức, lãnh đạo trực tiếp phương án triển khai các nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia phù hợp với thực tiễn địa phương

b) Nghiên cứu chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện, đưa ra luận cứ sáng kiến thiết lập cơ chế quản lý vận hành và phản hồi thông tin giữa các cấp quản lý trong quá trình thực hiện nội dung chương trình, đề án

c) Nghiên cứu chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện, đưa ra luận cứ sáng kiến kiểm tra, đánh giá, phát hiện và xử lý vướng mắc, xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoạt động của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nội dung, mục tiêu chương trình, đề án

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Chuyên đề 4

VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Học viên nắm vững những kiến thức cơ bản về đặc trưng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa, quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

** Về kỹ năng*

Vận dụng những kiến thức đã học vào công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách dân tộc cũng như trong tổ chức thực hiện công tác dân tộc, các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

** Về thái độ*

Học viên cần có tinh thần tích cực, chủ động nắm bắt các kiến thức trong học tập, nghiên cứu chuyên đề; có thái độ nghiêm túc, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. Kiên quyết chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, phân biệt đối xử đối với đồng bào dân tộc thiểu số; tôn trọng sự đa dạng văn hoá; hình thành phương pháp công tác phù hợp với tập quán, lối sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung về văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

a) Các khái niệm cơ bản

b) Vai trò của văn hóa các dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững

c) Quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

2. Đặc trưng văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam

a) Văn hóa các dân tộc thiểu số ở nước ta được hình thành và phát triển từ văn hoá dân gian

b) Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam phong phú, đa dạng và thống nhất

c) Văn hoá các dân tộc thiểu số được hình thành và phát triển từ quá trình sinh kế lâu đời, gắn với rừng núi, sông suối, biển đảo, bản làng, phum sóc…

d) Văn hoá các dân tộc thiểu số luôn có sự giao thoa và tiếp biến

3. Xu hướng vận động và phát triển của văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

a) Toàn cầu hóa về văn hóa

b) Phát triển văn hóa trong mối quan hệ với xây dựng con người

c) Xu hướng cố kết (liên kết) theo cộng đồng tộc người, tôn giáo

d) Xu hướng tác động lẫn nhau giữa các dân tộc

4. Một số vấn đề quản lý nhà nước về văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

a) Sự biến đổi của văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số

b) Nguồn lực cho phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

c) Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Chuyên đề 5

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Học viên nắm được đặc điểm, vai trò, thực trạng hệ thống chính trị cơ sở; những quan điểm, giải pháp và bài học kinh nghiệm trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay.

** Về kỹ năng*

Học viên có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao năng lực phân tích, đánh giá; gắn lý luận và thực tiễn trong tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc tại cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo, tham mưu với cấp trên trực tiếp và thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao; có giải pháp phù hợp để xây dựng hệ thống chính trị cơ sở tại địa bàn công tác.

** Về thái độ*

Học viên tin tưởng, nhận thức rõ đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, và có trách nhiệm phổ biến tuyên truyền, góp phần xây dựng và tham gia vào phát huy vai trò của hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung về hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Một số khái niệm

b) Cấu trúc và phương thức vận hành của hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

c) Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

d) Vai trò của các cơ quan đơn vị sự nghiệp ở cơ sở trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý

b) Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

c) Thiết chế xã hội truyền thống

d) Mối quan hệ giữa hệ thống chính trị cơ sở với hệ thống chính trị cấp huyện và các tổ chức thôn/bản, cộng đồng

3. Thực trạng của hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Thành tựu

b) Những hạn chế và nguyên nhân

c) Những vấn đề đặt trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

4. Quan điểm cơ bản, giải pháp chủ yếu và bài học kinh nghiệm trong phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

a) Quan điểm của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vững mạnh

b) Giải pháp

c) Một số bài học kinh nghiệm

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Chuyên đề 6

BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

I. MỤC TIÊU

** Về kiến thức*

Học viên nắm vững khái niệm cơ bản về quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại về quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nổi lên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

** Về kỹ năng*

Có kỹ năng tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các địa phương; tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong xử lý nhanh, hiệu quả các vấn đề phát sinh đến bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

** Về thái độ*

Học viên cần có tinh thần tích cực, chủ động nắm bắt các kiến thức trong học tập, nghiên cứu chuyên đề; có thái độ khách quan, khoa học đối với công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; luôn coi nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là trọng yếu, thường xuyên; có ý thức thực hiện nghĩa vụ của người cán bộ, viên chức đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng trong tình hình mới.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm cơ bản về quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nhóm khái niệm về quốc phòng

b) Nhóm khái niệm về an ninh, trật tự

c) Nhóm khái niệm về quốc phòng – an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2. Chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng – an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Chủ trương, đường lối của Đảng

b) Chính sách, pháp luật của Nhà nước

3. Nhận diện một số hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Một số tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nổi lên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

4. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương bảo đảm quốc phòng – an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Yêu cầu tham mưu

b) Nội dung tham mưu

III. VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2003): *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/03/2003, khóa IX, về công tác dân tộc.*
2. Ban Chấp hành Trung ương khoá IX (2018): *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, ngày 2/5/2018.*
3. Bộ Chính trị Đảng (2019): *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.*
4. Bộ Chính trị (2020): Thông báo Kết luận số 160-TB/TW, ngày 15/01/2020 về việc *tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị.*
5. Chính phủ (2011): Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, Hà Nội, ngày 14/01/2011,*Nghị định về công tác dân tộc.*
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương (khóa IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014): Nghị quyết số 33-NQ-TW ngày 9/6/2014, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014): *Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017,* Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về *tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam,* Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày*

28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019): *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*, số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
15. Đỗ Lan Hiền - Vũ Thị Mai Hiên (Tuyển chọn và hiệu đính, 2019): *Tôn giáo và an ninh*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện CNXHKH (2018): *Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Hường (chủ biên): *Giáo trình Văn hoá các dân tộc thiểu số*, Nxb. Bách khoa Hà Nội, 2020.
18. Quốc hội (2013): Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013
19. Quốc hội (2019): Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.*
20. Quốc hội (2020): *Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.*
21. Thủ tướng Chính phủ (2022): *Quyết định Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2023, tầm nhìn đến năm 2045*, số 1657/QĐ-TTg, Hà Nội, ngày 30/12/2022.
22. Thủ tướng Chính phủ (2021): Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*
23. Ngô Đức Thịnh (2022): *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

24. Vương Xuân Tình (2020): *Các dân tộc ở Việt Nam* (quyển 1, 2, 3, 4, 5, 6), Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
25. Nguyễn Phú Trọng: *Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, số 979 (12-2021).
26. Ủy ban Dân tộc – Tổng cục Thống kê (2019): *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.*
27. Ủy ban Dân tộc (2021): *Báo cáo số 732-BC-UBDT, ngày 10/6/2021 về tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.*
28. Đặng Nghiêm Vạn (2010): *Văn hoá Việt Nam đa tộc người*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
29. Trần Quốc Vượng (2006): *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.